

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày : 27-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Vân Khánh
2. Ông Phùng Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hai - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ A, sinh năm 1994 tại B, An Giang

Nơi cư trú: ấp C, xã D, huyện B, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: A xê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông G (đã chết) và bà H (đã chết); có vợ tên I và 01 con tên L, sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 6 năm 2021 đến ngày 25 tháng 6 năm 2021 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

2/ M, sinh năm 1990 tại B, An Giang

Nơi cư trú: ấp C, xã D, huyện B, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N (đã chết) và bà O; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17 tháng 6 năm 2021 đến ngày 26 tháng 6 năm 2021 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông P, sinh năm: 1988 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Trường Phú A, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

2/ Bà Q, sinh năm: 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: số 254, khu vực V, phường S, quận T, thành phố Cần Thơ

3/ Bà U, sinh năm: 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: số 254, khu vực V, phường S, quận T, thành phố Cần Thơ

4/ Ông R, sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Y, xã C, B1, tỉnh Long An

5/ Ông N1, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: phường C1, thành phố D1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các A liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 40 phút ngày 15/6/2021, tại ấp G1, xã H1 huyện I1, tỉnh Long An, lực lượng Công an huyện Tân Thạnh phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova 08 chỗ ngồi, biển số 65A- 294.84 do A điều khiển có biểu hiện nghi vấn nên ra hiệu lệnh dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trên xe có 7.000 bao (gói) thuốc lá ngoại nhập lậu gồm: 3.000 bao hiệu JET và 4.000 bao hiệu SCOTT. Lực lượng Công an tiến hành bắt quả tang A, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm để điều tra làm rõ. Còn đối tượng tên M đi chung xe với A đã bỏ chạy thoát.

Qua điều tra xác định được: Khoảng tháng 4/2021, A gặp và quen biết người đàn ông tên K1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở huyện L, tỉnh Long An, có lưu số điện thoại để liên lạc. Đến đầu tháng 6/2021, do tình hình dịch bệnh covid-19, A thất nghiệp, nảy sinh ý định buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu để kiếm lời. A điện thoại cho K1 hỏi cách thức buôn bán thuốc lá, được K1 giới thiệu và cho số điện thoại một người đàn ông bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu tên M1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở B1, tỉnh Long An. Ngày 12/6/2021 A gọi điện thoại cho M1 hỏi mua thuốc lá ngoại nhập lậu, được M1 đồng ý bán và hẹn khi nào có thuốc lá sẽ thông báo cho A đến mua. A có khoảng 100.000.000 đồng, sợ không đủ tiền mua thuốc lá nên A hỏi mượn tiền bà Q (là mẹ ruột của bạn gái A tên U) với lý do để mua quần áo về bán lại và được bà Q đồng ý cho mượn số tiền 95.000.000 đồng. Sau đó, A thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova loại 08 chỗ ngồi biển số 65A-294.84 của anh P. A nói với P mục đích thuê xe là chở khách dịch vụ nên P đồng ý cho thuê với giá 800.000 đồng/ngày. A thuê em họ tên M để cùng đi buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu với A. Nhiệm vụ của M là phụ giúp giao, nhận thuốc lá ngoại nhập lậu, quan sát, cảnh giới lực lượng Công

an trong quá trình A buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu. A sẽ trả tiền công cho M sau mỗi chuyến là 600.000 đồng, được M đồng ý cùng thực hiện.

Chiều ngày 13/6/2021, A điều khiển xe ô tô biển số 65A-294.84 chở M đến B1, tỉnh Long An. A gọi điện thoại cho M1 hỏi mua thuốc lá ngoại nhập lậu, do chưa có thuốc lá nên A và M ở khu vực B1 chờ. Đến khoảng 19 giờ ngày 15/6/2021, M1 gọi điện thoại nói với A có thuốc lá điều ngoại nhập lậu với số lượng 7.000 bao gồm: 3.000 bao hiệu JET, với giá 16.700 đồng/01 bao và 4.000 bao hiệu SCOTT, giá 12.300 đồng/01 bao. A đồng ý mua và điều khiển xe ô tô đến bãi đất trống gần cầu O1 thuộc phường P1, B1, tỉnh Long An theo sự chỉ dẫn của M1. Sau khi đến địa điểm giao nhận thuốc lá, M ra phía trước đứng quan sát, cảnh giới. Khoảng 20 phút sau có 03 người đàn ông đeo khẩu trang (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển 03 xe mô tô chở các túi nylon màu đen có chứa thuốc lá điều ngoại nhập lậu đến giao. A kiểm tra thấy đủ số lượng thuốc lá điều ngoại nhập lậu rồi xếp lên xe ô tô và trả số tiền 99.500.000 đồng cho 03 người đàn ông trên. Sau đó, A gọi điện thoại cho K1 hỏi chỗ bán lại số thuốc lá điều ngoại nhập lậu. K1 cho số điện thoại 01 người phụ nữ tên Q1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thị xã U1, tỉnh Tiền Giang. A điện thoại hỏi Q1 có mua số thuốc lá ngoại nhập lậu trên hay không. Q1 đồng ý mua với giá 12.700 đồng/01 bao thuốc lá hiệu SCOTT, 17.000 đồng/01 bao thuốc lá hiệu JET. Thỏa thuận xong, A điều khiển xe ô tô biển số 65A-294.84 chở M đi thị xã U1, tỉnh Tiền Giang để giao thuốc lá cho Q1. Trên đường đi, khi đến Tỉnh lộ 829, thuộc ấp G1, xã H1, huyện I1, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an huyện Tân Thạnh yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra. Thấy lực lượng Công an, M xuống xe chạy trốn thoát, còn A bị bắt quả tang. Đến ngày 17/6/2021, M bị bắt trong trường hợp khẩn cấp. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, A và M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSTT ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố các bị cáo A và M về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo A và bị cáo M khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không khiếu nại gì đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

* Về hình phạt chính: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Xử phạt bị cáo M từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

* Về vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 7.000 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm: 3.000 bao hiệu JET và 4.000 bao hiệu SCOTT.

+ 01 áo thun màu vàng rêu, ở giữa mặt trước áo có chữ 10.BREND và 01 quần Jean màu xanh, size 32, phía sau lưng quần có chữ JEANS DEMNIM thuộc sở hữu của bị cáo M.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 353101114915449, gắn thẻ sim số 0962.717.532 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus, số máy: MN2X2VN/A, số seri: FCDV012HFM4, gắn thẻ sim số 0901.423.873 thuộc sở hữu của bị cáo A.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 354309041440915, có gắn thẻ sim số 0967.245.341 thuộc sở hữu của bị cáo M.

+ Số tiền Việt Nam 88.000.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo A:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 352428905784705; số seri 2: 352428907784703, gắn 02 thẻ sim gồm: sim 1 số: 0906.840.941, sim 2 số: 0981.661.564 thuộc sở hữu của bị cáo A.

+ 01 giấy phép lái xe hạng C số 790187054968 mang tên A, do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2021.

- Trả lại cho bị cáo M:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, số IMEI 1: 860169041085616, số IMEI 2: 860169041085608, gắn thẻ sim số 0901.311.473 thuộc sở hữu của bị cáo M.

* Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: không ai yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo A tranh luận: bị cáo đề nghị trả lại cho bị cáo 88.000.000 đồng để bị cáo trả lại cho bà Q, vì số tiền này không phải là vật chứng trong vụ án.

Về hình phạt chính: bị cáo A và bị cáo M xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bà Q và chị U tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho bị cáo A số tiền 88.000.000 đồng để bị cáo A trả lại cho Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận: giữ nguyên quan điểm như đã luận tội, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 88.000.000 đồng, vì bị cáo A mượn tiền bà Q không có giấy tờ hay biên nhận và mục đích bị cáo

mượn tiền của Q là để buôn bán hàng cấm. Về hình phạt chính: đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đề nghị mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo A và bị cáo M xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các A liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông R và ông N1 vắng mặt không lý do. Xét thấy, ông P, ông R, ông N1 đã có lời khai trong quá trình điều tra và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P, ông R, ông N1 theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo A và bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các A liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước tòa, thể hiện:

Đầu tháng 6/2021, A được người đàn ông tên K1 (không rõ nhân thân, lai lịch) giới thiệu người đàn ông tên M1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở B1, tỉnh Long An có bán thuốc lá ngoại nhập lậu. A dùng điện thoại di động liên hệ đặt mua thuốc lá điếu ngoại nhập lậu vận chuyển đi bán lại nhằm mục đích kiếm lời. Ngày 12/6/2021, sau khi chuẩn bị tiền và thuê phương tiện để thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm, A thuê M đi theo phụ giúp A trong việc buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu và thỏa thuận sẽ trả tiền công cho M 600.000 đồng mỗi chuyến. M biết được hành vi buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu của A và đồng ý cùng tham gia để nhận tiền công. Đến khoảng 19 ngày 15/6/2021, A mua được 7.000 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu gồm 3.000 bao hiệu Jet và 4.000 bao hiệu Scott của người đàn ông tên M1 với tổng số tiền 99.500.000 đồng. Sau đó A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 65A- 294.84 chở M đến thị xã U1, tỉnh Tiền Giang bán thuốc lá điếu ngoại nhập lậu để kiếm lời. Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến ấp G1, xã H1, huyện I1, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được việc buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hàng hóa mà nhà nước cấm lưu thông, cấm kinh doanh, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Trong vụ án có 02 bị cáo, tuy 02 bị cáo có sự thống nhất về ý chí nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện tội phạm. Do đó 02 bị cáo chỉ phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Hội đồng xét xử cần xem xét vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của từng bị cáo gây ra.

[3.1] Đối với bị cáo A: bị cáo là người trực tiếp liên hệ với K1, M1, Q1 để thực hiện việc buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu với số lượng 7.000 bao. Bị cáo chuẩn bị tiền và thuê phương tiện là xe ô tô để vận chuyển thuốc lá từ B1, tỉnh Long An đến thị xã U1, tỉnh Tiền Giang để bán kiếm lời. Bị cáo là người rủ rê, thuê bị cáo M để cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người trực tiếp thực hiện tội phạm và sẽ là người hưởng lợi nhuận sau khi buôn bán thuốc lá.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có 01 con nhỏ. Đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo M: sau khi được bị cáo A rủ rê và thuê để cùng đi buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu thì bị cáo M đồng ý thực hiện. Bị cáo M là người giúp sức tích cực cho bị cáo A trong việc giao nhận thuốc lá, giúp cảnh giới, canh đường để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Khi bị bắt quả tang, bị cáo M đã xuống xe trốn thoát, gây khó khăn cho cơ quan điều tra.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: đối với tội “Buôn bán hàng cấm”, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 4 Điều 190 Bộ luật Hình sự, nhưng xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo có khó khăn, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A khai trước đây có quen biết và gặp người đàn ông tên K1 (không rõ nhân thân, lại lịch) một lần ở huyện L, tỉnh Long An và có lưu số điện thoại di động của K1, sim số 0799.601.038 để liên lạc. Đến đầu tháng 6/2021, A điện thoại cho K1 để hỏi cách thức buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu thì được K1 giới thiệu, cho số điện

thoại di động một người đàn ông tên M1 ở B1, tỉnh Long An. Sau đó, A liên lạc với người đàn ông tên M1 qua số điện thoại di động 0832.045.356. Qua điều tra xác định được chủ thuê bao sim số 0799.601.038 tên N1, sinh ngày 15/02/1984, hộ khẩu thường trú: số 486 đường 30/4, phường C1, thành phố D1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Qua làm việc, anh N2 khai không có đăng ký, sử dụng thuê bao sim số 0799.601.038, không quen biết ai tên A và tên K1. Vào năm 2008, khi anh N2 đang trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại tỉnh Tây Ninh thì anh N2 làm mất giấy chứng minh nhân dân của anh N2 số 273158933. A mới gặp người đàn ông tên K1 một lần, không nhớ rõ mặt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh không có cơ sở xác định nhân thân, lai lịch của người đàn ông tên K1 nên không có cơ sở để xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra xác định được chủ thuê bao sim số 0832.045.356 tên R, hộ khẩu thường trú: ấp Y, xã A1, B1, tỉnh Long An. Qua làm việc, anh R khai trước đó anh R có đăng ký, sử dụng sim số 0832.045.356, chỉ sử dụng để đăng ký cước mạng Internet, phát wifi trên xe, không sử dụng để nghe, gọi. Đến cuối tháng 4/2021, anh R làm rớt mất điện thoại di động có gắn sim số 0832.045.356. Từ cuối tháng 4/2021 đến nay, anh R chỉ sử dụng một thuê bao sim số 0383.090.953. A và M chưa gặp mặt người đàn ông tên M1 lần nào, chỉ liên lạc qua điện thoại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh không có cơ sở xác định nhân thân, lai lịch của người đàn ông tên M1 nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với 03 người đàn ông giao thuốc lá ngoại nhập lậu cho A ở B1, tỉnh Long An đều đeo khẩu trang. A và M không biết mặt, nhân thân và lai lịch của 03 người đàn ông này. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh không có cơ sở xác định nhân thân, lai lịch của 03 người đàn ông này nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với người phụ nữ tên Q1 (không rõ nhân thân, lai lịch) do người đàn ông tên K1 giới thiệu cho A để buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu. A và M đều chưa gặp mặt, A chỉ liên lạc qua điện thoại. Việc buôn bán thuốc lá giữa A và Quyên chưa xảy ra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh không có cơ sở xác định nhân thân, lai lịch của người phụ nữ tên Q1 nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với anh P có cho bị cáo A thuê xe ô tô biển số 65A- 294.84 và bà Q có cho bị cáo A mượn số tiền 95.000.000 đồng. Anh P và bà Q đều không biết A sử dụng vào việc buôn bán hàng cấm. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh không xem xét xử lý đối với anh P và bà Q là phù hợp.

[7] Về vật chứng trong vụ án:

Quá trình bắt quả tang tạm giữ:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Innova, loại xe 8 chỗ ngồi, biển số 65A-294.84, số máy: 1TRA839615, số khung: RL4JW3EM0M3375845 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003763, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/5/2021 thuộc sở hữu của anh P. Anh

P không biết A thuê xe ô tô sử dụng làm phương tiện buôn bán hàng cấm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô, giấy tờ xe cho anh P là phù hợp.

- 7.000 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm: 3.000 bao hiệu JET và 4.000 bao hiệu SCOTT là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền Việt Nam 88.000.000 đồng: bị cáo A khai đây là số tiền bị cáo A mượn của bà Q. Bà Q không biết việc A mượn tiền để buôn bán hàng cấm. Giao dịch vay A sản (tiền) giữa bà Q và bị cáo A được xác lập trước khi bị cáo A thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm. Kể từ thời điểm bà Q và bị cáo A xác lập giao dịch vay A sản cũng như từ thời điểm bà Q chuyển giao A sản (tiền) cho bị cáo A vay thì quyền sở hữu đối với A sản đã được chuyển từ bà Q sang cho bị cáo A. Sau khi nhận được tiền từ giao dịch vay tài sản, bị cáo A là người có quyền sở hữu đối với số tiền đã vay của bà Q. Tại phiên tòa, bị cáo A và Q đề nghị tuyên trả số tiền 88.000.000 đồng cho bị cáo A để bị cáo A trả lại cho Q. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 88.000.000 đồng là thuộc sở hữu của bị cáo A, không phải là vật chứng trong vụ án, không phải là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần trao trả lại cho bị cáo A. Trong trường hợp sau này nếu giữa Q và bị cáo A có phát sinh tranh chấp về quan hệ vay A sản thì Q có quyền khởi kiện bị cáo A trong một vụ án dân sự khác.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 353101114915449, gắn thẻ sim số 0962.717.532 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus, số máy: MN2X2VN/A, số seri: FCDV012HFM4, gắn thẻ sim số 0901.423.873 thuộc sở hữu của bị cáo A. A sử dụng để liên lạc trong việc buôn bán hàng cấm nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 352428905784705; số seri 2: 352428907784703, gắn 02 thẻ sim gồm: sim 1 số: 0906.840.941, sim 2 số: 0981.661.564 thuộc sở hữu của bị cáo A. A không sử dụng vào việc buôn bán hàng cấm nên cần trao trả lại cho bị cáo A.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, số IMEI 1: 860169041085616, số IMEI 2: 860169041085608, gắn thẻ sim số 0901.311.473 thuộc sở hữu của bị cáo M. M không sử dụng liên lạc vào việc buôn bán hàng cấm nên cần trao trả lại cho bị cáo M.

- 01 giấy phép lái xe hạng C số 790187054968 mang tên A, do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2021 là của bị cáo A, cần trao trả lại cho bị cáo A.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 354309041440915, có gắn thẻ sim số 0967.245.341 thuộc sở hữu của bị cáo M. M sử dụng để liên lạc với A trong việc buôn bán hàng cấm nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 áo thun màu vàng rêu, ở giữa mặt trước áo có chữ 10.BREND và 01 quần Jean màu xanh, size 32, phía sau lưng quần có chữ JEANS DEMNIM thuộc sở hữu của bị cáo M. Đây là áo, quần M mặc vào ngày đi buôn bán hàng cấm. Tại phiên tòa, bị cáo M không yêu cầu nhận lại mà đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy áo quần của bị cáo M.

[8] Về trách nhiệm dân sự: không ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: bị cáo A và M mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo A và M phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **A 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 16/6/2021).

Xử phạt bị cáo **M 08 (tám) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 17/6/2021).

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo A, bị cáo M 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/01/2022) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

* Về vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 7.000 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu gồm: 3.000 bao hiệu JET và 4.000 bao hiệu SCOTT.

+ 01 áo thun màu vàng rêu, ở giữa mặt trước áo có chữ 10.BREND và 01 quần Jean màu xanh, size 32, phía sau lưng quần có chữ JEANS DEMNIM thuộc sở hữu của bị cáo M.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 353101114915449, gắn thẻ sim số 0962.717.532 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus, số máy: MN2X2VN/A, số seri: FCDV012HFM4, gắn thẻ sim số 0901.423.873 thuộc sở hữu của bị cáo A.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri: 354309041440915, có gắn thẻ sim số 0967.245.341 thuộc sở hữu của bị cáo M.

- Trả lại cho bị cáo A:

+ Số tiền Việt Nam 88.000.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số seri 1: 352428905784705; số seri 2: 352428907784703, gắn 02 thẻ sim gồm: sim 1 số: 0906.840.941, sim 2 số: 0981.661.564 thuộc sở hữu của bị cáo A.

+ 01 giấy phép lái xe hạng C số 790187054968 mang tên A, do Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2021.

- Trả lại cho bị cáo M:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, số IMEI 1: 860169041085616, số IMEI 2: 860169041085608, gắn thẻ sim số 0901.311.473 thuộc sở hữu của bị cáo M.

Tất cả vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 23/QĐ-VKSTT ngày 09/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh.

* Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A và bị cáo M mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi

